

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Lê Thị TH

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 - Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1993 - Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn ngày 04/7/2012, đăng ký tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình tH, đến tháng 8/2016 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H không tôn trọng anh và bố mẹ anh. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và sống ly thân từ đó tới nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/3/2013 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/02/2015. Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng. Hiện cháu Nguyễn Thị Thùy D đang ở với anh

H, cháu Nguyễn Văn H đang ở với chị H. Ly hôn với chị H anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Vũ Thị H trình bày:*

Về tình cảm: Chị H thống nhất như lời trình bày của anh H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, khoảng hai năm sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nghe bố mẹ, đối xử thậm tệ với chị. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 tới nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay xét vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh H yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/3/2013 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/02/2015. Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng. Từ khi ly thân cho đến nay con chung Nguyễn Văn H sống với chị, cháu D sống với anh H. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và đề nghị giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của cháu Nguyễn Văn H: Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng xin được trực tiếp ở với mẹ Vũ Thị H.

Lời trình bày của cháu Nguyễn Thị Thùy D: Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng xin được trực tiếp ở với bố Nguyễn Văn H.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được do không qua H giải tại cơ sở. Anh H và chị H đều là lao động tự do, thu nhập như thế nào địa phương không nắm rõ. Nay anh H yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

+ Về tình cảm: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị H.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/3/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/02/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H, chị H vì không ai yêu cầu.

Anh H, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn H, chị Vũ Thị H đăng ký hộ khẩu tại xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên theo quy định của Điều 28, 35, 39 BLTTDS; Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo lời trình bày của anh H và chị H, trong thời gian chung sống vợ chồng tH phát sinh mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau thể hiện tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Vũ Thị H.

[3] Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/3/2013 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/02/2015. Xét nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con của mỗi người là chính đáng. Từ khi ly thân cho đến nay cháu D sống với anh H, cháu H sống với chị H. Cháu H hiện đang còn nhỏ, cần nhiều hơn sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bên cạnh đó, cháu H ở với chị D từ khi mới được 1 tuổi cho đến nay và có nguyện vọng xin ở với mẹ, cháu D có nguyện vọng xin được ở với bố. Nguyện vọng của hai cháu là chính đáng, đảm bảo việc sinh sống học tập ổn định. Vì vậy cần tiếp tục giao cho mỗi người nuôi một con, giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý cho các cháu sau khi bố mẹ sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H, chị H vì không ai yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 BLTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị H.s

- Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/3/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Giao con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/02/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H, chị H vì không ai yêu cầu.

Anh H, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012606 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

- Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh